

QUY TRÌNH

**Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất
sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2069/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

Stt	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp (theo mẫu)	01	Bản chính
2	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	01	Bản sao
3	Bản kê khai về từng địa điểm kinh doanh	01	Bản chính
4	Quyết định phê duyệt hoặc Xác nhận các tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành	01	Bản sao
5	Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy và văn bản chấp thuận nghiệm thu hệ thống phòng cháy, chữa cháy của cơ quan có thẩm quyền đối với từng kho chứa hóa chất thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy	01	Bản sao
6	Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền chứng minh đảm bảo đủ điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với từng kho chứa hóa chất không thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy	01	Bản sao
7	Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng của từng địa điểm kinh doanh, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí kho chứa, khu	01	Bản chính

Stt	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
	vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào khu vực kho hóa chất		
8	Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng kho chứa hoặc Hợp đồng thuê kho đối với trường hợp thuê kho lưu trữ hoặc Hợp đồng hay thỏa thuận mua bán hóa chất trong trường hợp sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất	01	Bản sao
9	Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của từng địa điểm kinh doanh hóa chất	01	Bản chính
10	Bảng trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất của người phụ trách về an toàn hóa chất	01	Bản sao
11	Hồ sơ huấn luyện an toàn hóa chất (theo quy định tại khoản 4 Điều 34 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP) gồm: (1) Nội dung huấn luyện, (2) Danh sách người được huấn luyện với các thông tin: Họ tên, ngày tháng năm sinh, chức danh, vị trí làm việc, chữ ký xác nhận tham gia huấn luyện, (3) Thông tin về người huấn luyện bao gồm: Họ tên, ngày tháng năm sinh, trình độ học vấn, chuyên ngành được đào tạo, kinh nghiệm công tác, kèm theo các tài liệu chứng minh, (4) Nội dung và kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất; (5) Quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân	01	Bản sao
12	Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất nguy hiểm trong cơ sở kinh doanh theo quy định	01	Bản chính

**** Trường hợp thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử thì thương nhân gửi bản scan từ bản gốc các giấy tờ quy định trên.**

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ PHÍ THẨM ĐỊNH

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Phí thẩm định
Bộ phận Một cửa - Sở Công Thương, địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	1.200.000đ/Giấy chứng nhận

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
B2	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa	½ ngày làm việc	BM 01 BM 02 BM 03 Theo mục I	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. - Scan tài liệu, lưu trữ hồ sơ điện tử.
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Kỹ thuật An toàn Môi	½ ngày làm việc	BM 01 Theo mục I	Phân công công chức thụ lý, giải quyết hồ sơ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
		trường			
B4	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ	Công chức thụ lý hồ sơ phòng Kỹ thuật An toàn Môi trường	01 ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Dự thảo kết quả hoặc văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ	Công chức thụ lý hồ sơ tiến hành kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: thực hiện tiếp quy trình B6 – B11. - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ: dự thảo văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ; trình Lãnh đạo phòng xem xét. Thực hiện tiếp quy trình B5.A (B5.A1 – B5.A2). Sau khi hoàn chỉnh hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (người dân bổ sung hồ sơ; lấy ý kiến các đơn vị liên quan); thực hiện tiếp quy trình B6 – B11.
B5.A	Ban hành văn bản thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ				
B5.A1	Duyệt ký văn bản	Lãnh đạo phòng Kỹ thuật An toàn Môi trường	½ ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ	Xem xét hồ sơ, ký duyệt văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.
B5.A2	Phát hành văn bản	Văn thư	½ ngày làm việc	Văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ	Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản
<i>Khi tổ chức/cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo yêu cầu thì thực hiện lại quy trình từ bước Bước 2</i>					
B6	Thẩm định hồ	Công chức thụ	06 ngày làm	BM 01 Theo mục I	- Công chức thụ lý hồ sơ tiến hành xem xét hồ sơ,

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	lý hồ sơ phòng Kỹ thuật An toàn Môi trường	việc	Tờ trình Dự thảo Kết quả hoặc văn bản từ chối	<p>lập Tờ trình, dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Giấy Chứng nhận đủ điều kiện (sản xuất/ kinh doanh/sản xuất, kinh doanh) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do).</p> <p>- Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ và trình Lãnh đạo phòng chuyên môn xem xét.</p>
B7	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo phòng Kỹ thuật An toàn Môi trường	02 ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Tờ trình Kết quả hoặc văn bản từ chối	<p>- Lãnh đạo Phòng chuyên môn xem xét hồ sơ, duyệt dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Giấy Chứng nhận đủ điều kiện (sản xuất/ kinh doanh/sản xuất, kinh doanh) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do).</p> <p>- Chuyển hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính về Bộ phận một cửa để kiểm soát chất lượng TTHC.</p>
B8	Kiểm soát chất lượng văn bản, hồ sơ TTHC	Lãnh đạo Văn phòng	½ ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Tờ trình Kết quả hoặc văn bản từ chối	<p>Kiểm tra và trình Lãnh đạo Sở, với các nội dung:</p> <p>- Kiểm soát chặt quy trình giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt và thực hiện đúng trên phân hệ phần mềm.</p> <p>- Rà soát kết quả giải quyết thủ tục hành chính trình</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					Lãnh đạo Sở phê duyệt. - Kiểm soát các quy định về thể thức văn bản theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP
B9	Phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Giấy Chứng nhận đủ điều kiện (sản xuất/ kinh doanh/sản xuất, kinh doanh) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do)
B10	Ban hành văn bản	Văn thư	½ ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận Một cửa
B11	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân - Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

Stt	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Văn bản đề nghị Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực

		công nghiệp (Mẫu số 01a, Phụ lục 1 - Thông tư 32/2017/TT-BCT)
5	BM 05	Giấy Chứng nhận đủ điều kiện (sản xuất/ kinh doanh/sản xuất, kinh doanh) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (Mẫu số 01 Phụ lục VI - Nghị định 113/2017/NĐ-CP)
6	BM 06	Mẫu bản kê khai thiết bị, kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất (Mẫu số 01g, Phụ lục 1 - Thông tư 32/2017/TT-BCT)

V. HỒ SƠ CẢN LƯU

Stt	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Văn bản đề nghị Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (Mẫu số 01a, Phụ lục 1 - Thông tư 32/2017/TT-BCT)
5	BM 05	Giấy Chứng nhận đủ điều kiện (sản xuất/ kinh doanh/sản xuất, kinh doanh) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (Mẫu số 01 Phụ lục VI - Nghị định 113/2017/NĐ-CP)
6	BM 06	Mẫu bản kê khai thiết bị, kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất (Mẫu số 01g, Phụ lục 1 - Thông tư 32/2017/TT-BCT)
	//	Các thành phần hồ sơ khác (nếu có) theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

.....⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất, nếu vi phạm⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

.....⁽¹⁾ gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:.....⁽⁸⁾

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp;
- (2): Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân;
- (4): Ghi rõ “sản xuất” hoặc “kinh doanh” hoặc “sản xuất, kinh doanh”;
- (5): Chỉ kê khai các thành phần là chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất;
- (6): Kê khai khối lượng hóa chất sản xuất, kinh doanh tối đa trong một năm;
- (7): Đơn vị đo khối lượng trên đơn vị thời gian là một năm;
- (8): Tên các giấy tờ kèm theo.

Mẫu 01g

Tên tổ chức, cá nhân
(1)CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: (2)

..... (3), ngày tháng năm

**BẢN KÊ KHAI THIẾT BỊ KỸ THUẬT,
TRANG BỊ PHÒNG HỘ LAO ĐỘNG VÀ AN TOÀN CỦA
CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH HÓA CHẤT**

STT	Tên các thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn trong sản xuất, kinh doanh	Thông số kỹ thuật chính	Xuất xứ	Năm sản xuất	Thời gian hiệu chuẩn, kiểm định gần nhất	Thời hạn hiệu chuẩn, kiểm định
1						
2						
n						

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức, cá nhân;
- (2): Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh giấy phép;
- (3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy phép đóng trụ sở chính.

Mẫu số 01

PHỤ LỤC VI*(Kèm theo Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ)*

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCN-SCT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đủ điều kiện (sản xuất/kinh doanh/sản xuất, kinh doanh) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

Căn cứ⁽¹⁾;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (sản xuất/kinh doanh/sản xuất, kinh doanh) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp của⁽²⁾,

Theo đề nghị của⁽³⁾**QUYẾT ĐỊNH**

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (sản xuất/kinh doanh/sản xuất, kinh doanh) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp cho⁽²⁾

1. Địa chỉ trụ sở chính:

2. Điện thoại: Fax:

3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất:

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ngày tháng ... năm do⁽⁴⁾ cấp ngày ... tháng ... năm

Đủ điều kiện để (sản xuất/kinh doanh/sản xuất, kinh doanh) hóa chất với các nội dung sau đây:

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/thành phần			Quy mô sản xuất (tấn/năm)
		Tên hóa chất	Mã số CAS	Công thức hóa học	

Điều 2.⁽²⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Giấy chứng nhận này có giá trị kể từ ngày ký./.

GIÁM ĐỐC

(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cục Hóa chất;
- Sở Công Thương.....⁽⁵⁾
- Lưu:.....

Chú thích:

⁽¹⁾ Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp Giấy chứng nhận và các văn bản có liên quan

⁽²⁾ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận

⁽³⁾ Người đứng đầu đơn vị thụ lý hồ sơ

⁽⁴⁾ Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ cá thể.

⁽⁵⁾ Tên Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân có trụ sở chính

QUY TRÌNH**Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất
sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2069/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

Stt	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp (theo mẫu)	01	Bản chính
2	- Giấy chứng nhận đã được cấp trong trường hợp Giấy chứng nhận bị sai sót hoặc có thay đổi về thông tin của tổ chức, cá nhân; - Phần bản chính còn lại có thể nhận dạng được của Giấy chứng nhận trong trường hợp Giấy chứng nhận bị hư hỏng.	01	Bản chính

*** Trường hợp thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử thì thương nhân gửi bản scan từ bản gốc các giấy tờ quy định trên.*

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ PHÍ THẨM ĐỊNH

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Phí thẩm định
Bộ phận Một cửa - Sở Công Thương, địa chỉ: 163 Hai Bà Trung, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	600.000đ/Giấy chứng nhận

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
B2	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa	½ ngày làm việc	BM 01 BM 02 BM 03 Theo mục I	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. - Scan tài liệu, lưu trữ hồ sơ điện tử.
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Kỹ thuật An toàn Môi trường	½ ngày làm việc	BM 01 Theo mục I	Phân công công chức thụ lý, giải quyết hồ sơ
B4	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Công chức thụ lý hồ sơ phòng Kỹ thuật An toàn Môi trường	02 ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Tờ trình Dự thảo Kết quả hoặc văn bản từ chối	- Công chức thụ lý hồ sơ tiến hành xem xét hồ sơ, lập Tờ trình, dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Giấy Chứng nhận đủ điều kiện (sản xuất/ kinh doanh/sản xuất, kinh doanh) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>công nghiệp hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do).</p> <p>- Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ và trình Lãnh đạo phòng chuyên môn xem xét.</p>
B5	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo phòng Kỹ thuật An toàn Môi trường	½ ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Tờ trình Kết quả hoặc văn bản từ chối	<p>- Lãnh đạo Phòng chuyên môn xem xét hồ sơ, duyệt dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Giấy Chứng nhận đủ điều kiện (sản xuất/ kinh doanh/sản xuất, kinh doanh) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do).</p> <p>- Chuyển hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính về Bộ phận một cửa để kiểm soát chất lượng TTHC.</p>
B6	Kiểm soát chất lượng văn bản, hồ sơ TTHC	Lãnh đạo Văn phòng	½ ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Tờ trình Kết quả hoặc văn bản từ chối	<p>Kiểm tra và trình Lãnh đạo Sở, với các nội dung:</p> <p>- Kiểm soát chặt quy trình giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt và thực hiện đúng trên phân hệ phần mềm.</p> <p>- Rà soát kết quả giải quyết thủ tục hành chính trình Lãnh đạo Sở phê duyệt.</p> <p>- Kiểm soát các quy định về thể thức văn bản theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP</p>
B7	Phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Sở	½ ngày làm việc	Hồ sơ trình	Phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Giấy Chứng nhận đủ điều kiện (sản

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	TTHC				xuất/ kinh doanh/sản xuất, kinh doanh) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do)
B8	Ban hành văn bản	Văn thư	½ ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận Một cửa
B9	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân - Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

Stt	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (Mẫu số 01b, Phụ lục 1 - Thông tư 32/2017/TT-BCT)
5	BM 05	Giấy chứng nhận đủ điều kiện (sản xuất/kinh doanh/sản xuất, kinh doanh) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (Mẫu số 01 Phụ lục VI - Nghị định 113/2017/NĐ-CP)

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

Stt	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (Mẫu số 01b, Phụ lục 1 - Thông tư 32/2017/TT-BCT)
5	BM 05	Giấy chứng nhận đủ điều kiện (sản xuất/kinh doanh/sản xuất, kinh doanh) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (Mẫu số 01 Phụ lục VI - Nghị định 113/2017/NĐ-CP)
6	//	Các thành phần hồ sơ khác (nếu có) theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

Mẫu 01b

Tên tổ chức, cá nhân
(1)**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: (2)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ**Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện⁽⁴⁾ hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp**

Kính gửi: Sở Công Thương TP.HCM

Tên tổ chức/cá nhân:.....⁽¹⁾

Địa chỉ trụ sở chính :Điện thoại: Fax:.....

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh:.....Điện thoại:Fax:.....

Loại hình: Sản xuất Kinh doanh

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh sốdo cấp ngày tháng năm.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện⁽⁴⁾ hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp số⁽⁵⁾ ngày.....tháng.....năm....., giải trình lý do đề nghị cấp lại:.....⁽⁶⁾.....⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất , nếu vi phạm⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật......⁽¹⁾ gửi kèm theo gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:
.....⁽⁷⁾**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức, cá nhân đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất;
- (2): Ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đăng ký lại cấp giấy chứng nhận;
- (4): Ghi rõ “sản xuất” hoặc “kinh doanh” hoặc “sản xuất, kinh doanh”;
- (5): Số hiệu Giấy chứng nhận do Sở Công Thương cấp mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại;
- (6): Thông tin giải trình đề nghị cấp lại, bao gồm các thông tin sửa đổi (nếu có);
- (7): Tên các giấy tờ kèm theo hồ sơ.

PHỤ LỤC VI*(Kèm theo Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ)*

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCN-SCT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đủ điều kiện (sản xuất/kinh doanh/sản xuất, kinh doanh) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

Căn cứ⁽¹⁾;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (sản xuất/kinh doanh/sản xuất, kinh doanh) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp của⁽²⁾,

Theo đề nghị của⁽³⁾**QUYẾT ĐỊNH**

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (sản xuất/kinh doanh/sản xuất, kinh doanh) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp cho⁽²⁾

1. Địa chỉ trụ sở chính:

2. Điện thoại: Fax:

3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất:

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ngày tháng ... năm do⁽⁴⁾ cấp ngày ... tháng ... năm

Đủ điều kiện để (sản xuất/kinh doanh/sản xuất, kinh doanh) hóa chất với các nội dung sau đây:

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/thành phần			Quy mô sản xuất (tấn/năm)
		Tên hóa chất	Mã số CAS	Công thức hóa học	

Điều 2.⁽²⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Giấy chứng nhận này có giá trị kể từ ngày ký./.

GIÁM ĐỐC
(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cục Hóa chất;
- Sở Công Thương....⁽⁵⁾
- Lưu:....

Chú thích:

⁽¹⁾ Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp Giấy chứng nhận và các văn bản có liên quan

⁽²⁾ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận

⁽³⁾ Người đứng đầu đơn vị thụ lý hồ sơ

⁽⁴⁾ Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ cá thể.

⁽⁵⁾ Tên Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân có trụ sở chính

QUY TRÌNH**Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2069/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

Stt	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp (theo mẫu)	01	Bản chính
2	Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp	01	Bản chính
3	Giấy tờ, tài liệu chứng minh việc đáp ứng được điều kiện sản xuất, kinh doanh đối với các nội dung điều chỉnh	01	Bản sao

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ PHÍ THẨM ĐỊNH

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Phí thẩm định
Bộ phận Một cửa - Sở Công Thương, địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	12 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	600.000đ/Giấy chứng nhận

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
B2	Kiểm	Bộ phận	½ ngày	BM 01	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ:

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	tra và tiếp nhận hồ sơ	một cửa	làm việc	BM 02 BM 03 Theo mục I	<p>Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. - Scan tài liệu, lưu trữ hồ sơ điện tử.
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Kỹ thuật An toàn Môi trường	½ ngày làm việc	BM 01 Theo mục I	Phân công công chức thụ lý, giải quyết hồ sơ
B4	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ	Công chức thụ lý hồ sơ phòng Kỹ thuật An toàn Môi trường	01 ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Dự thảo kết quả hoặc văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ	<p>Công chức thụ lý hồ sơ tiến hành kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: thực hiện tiếp quy trình B6 - B11. - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ: dự thảo văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ; trình Lãnh đạo phòng xem xét. Thực hiện tiếp quy trình B5.A (B5.A1 - B5.A2). <p>Sau khi hoàn chỉnh hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (người dân bổ sung hồ sơ; lấy ý kiến các</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					đơn vị liên quan); thực hiện tiếp quy trình B6 – B11.
B5.A	Ban hành văn bản thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ				
B5.A1	Duyệt ký văn bản	Lãnh đạo phòng Kỹ thuật An toàn Môi trường	½ ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ	Xem xét hồ sơ, ký duyệt văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.
B5.A2	Phát hành văn bản	Văn thư	½ ngày làm việc	Văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ	Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản
<i>Khi tổ chức/cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo yêu cầu thì thực hiện lại quy trình từ bước Bước 2</i>					
B6	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Công chức thụ lý hồ sơ phòng Kỹ thuật An toàn Môi trường	06 ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Tờ trình Dự thảo Kết quả hoặc văn bản từ chối	- Công chức thụ lý hồ sơ tiến hành xem xét hồ sơ, lập Tờ trình, dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Giấy Chứng nhận đủ điều kiện (sản xuất/ kinh doanh/sản xuất, kinh doanh) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do). - Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ và trình Lãnh đạo phòng chuyên môn xem xét.
B7	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo phòng Kỹ thuật An toàn Môi trường	02 ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Tờ trình Kết quả hoặc văn bản từ chối	- Lãnh đạo Phòng chuyên môn xem xét hồ sơ, duyệt dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Giấy Chứng nhận đủ điều kiện (sản xuất/ kinh doanh/sản xuất, kinh doanh) hóa chất sản xuất,

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do). - Chuyển hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính về Bộ phận một cửa để kiểm soát chất lượng TTHC.
B8	Kiểm soát chất lượng văn bản, hồ sơ TTHC	Lãnh đạo Văn phòng	½ ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Tờ trình Kết quả hoặc văn bản từ chối	Kiểm tra và trình Lãnh đạo Sở, với các nội dung: - Kiểm soát chặt quy trình giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt và thực hiện đúng trên phân hệ phần mềm. - Rà soát kết quả giải quyết thủ tục hành chính trình Lãnh đạo Sở phê duyệt. - Kiểm soát các quy định về thể thức văn bản theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP
B9	Phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở	01 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Giấy Chứng nhận đủ điều kiện (sản xuất/ kinh doanh/sản xuất, kinh doanh) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do)
B10	Ban hành văn bản	Văn thư	½ ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận Một cửa
B11	Trả kết	Bộ phận	Theo	Kết quả	- Trả kết quả cho Tổ chức/cá

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	một cửa	Giấy hẹn		nhân - Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

Stt	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (Mẫu số 01c, Phụ lục 1 - Thông tư 32/2017/TT-BCT)
5	BM 05	Giấy chứng nhận đủ điều kiện (sản xuất/kinh doanh/sản xuất, kinh doanh) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (Mẫu số 01 Phụ lục VI - Nghị định 113/2017/NĐ-CP)

V. HỒ SƠ CẢN LƯU

Stt	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp (Mẫu số 01c, Phụ lục 1 - Thông tư 32/2017/TT-BCT)
5	BM 05	Giấy chứng nhận đủ điều kiện (sản xuất/kinh doanh/sản xuất, kinh doanh) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực

		công nghiệp (Mẫu số 01 Phụ lục VI - Nghị định 113/2017/NĐ-CP)
	//	Các thành phần hồ sơ khác (nếu có) theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất.

Mẫu 01c

Tên tổ chức, cá nhân
(1)CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: (2)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ**Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện⁽⁴⁾ hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp**

Kính gửi: Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh

Tên tổ chức/cá nhân: (1)

Địa chỉ trụ sở chính tại:, Điện thoại: Fax

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh:, Điện thoại: Fax:

Loại hình: Sản xuất Kinh doanh

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số do cấp ngày tháng năm

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện⁽⁴⁾ hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp số⁽⁵⁾ ngày tháng năm, thông tin đề nghị cấp điều chỉnh bao gồm:⁽⁶⁾

Giải trình lý do đề nghị cấp điều chỉnh:

.....⁽⁷⁾.....⁽¹⁾ xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất, nếu vi phạm⁽¹⁾ xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật......⁽¹⁾ gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:⁽⁸⁾**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất;

- (2): Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất;

- (3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đóng trụ sở chính;

-
- (4): Ghi rõ “sản xuất” hoặc “kinh doanh” hoặc “sản xuất, kinh doanh”;
 - (5): Số hiệu Giấy chứng nhận do Sở Công Thương cấp mà tổ chức, cá nhân đề nghị cấp điều chỉnh;
 - (6): Thông tin đề nghị cấp điều chỉnh bao gồm thông tin trước khi điều chỉnh và thông tin đề nghị điều chỉnh;
 - (7): Thông tin giải trình rõ lý do đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận;
 - (8): Tên các giấy tờ kèm theo hồ sơ.

PHỤ LỤC VI*(Kèm theo Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ)*

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCN-SCT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đủ điều kiện (sản xuất/kinh doanh/sản xuất, kinh doanh) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

Căn cứ⁽¹⁾;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (sản xuất/kinh doanh/sản xuất, kinh doanh) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp của⁽²⁾,

Theo đề nghị của⁽³⁾**QUYẾT ĐỊNH**

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện (sản xuất/kinh doanh/sản xuất, kinh doanh) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp cho⁽²⁾

1. Địa chỉ trụ sở chính:

2. Điện thoại: Fax:

3. Địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất:

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: ngày tháng ... năm do⁽⁴⁾ cấp ngày ... tháng ... năm

Đủ điều kiện để (sản xuất/kinh doanh/sản xuất, kinh doanh) hóa chất với các nội dung sau đây:

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/thành phần			Quy mô sản xuất (tấn/năm)
		Tên hóa chất	Mã số CAS	Công thức hóa học	

Điều 2.⁽²⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và những quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Giấy chứng nhận này có giá trị kể từ ngày ký./.

GIÁM ĐỐC
(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cục Hóa chất;
- Sở Công Thương....⁽⁵⁾
- Lưu:....

Chú thích:

⁽¹⁾ Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan cấp Giấy chứng nhận và các văn bản có liên quan

⁽²⁾ Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận

⁽³⁾ Người đứng đầu đơn vị thụ lý hồ sơ

⁽⁴⁾ Tên cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ cá thể.

⁽⁵⁾ Tên Sở Công Thương nơi tổ chức, cá nhân có trụ sở chính

QUY TRÌNH**Cấp Thông báo xác nhận công bố sản phẩm hàng hóa nhóm 2****phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2069/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

Stt	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Bản công bố hợp quy (theo mẫu)	01	Bản chính
2	Chứng chỉ chứng nhận sự phù hợp của sản phẩm, hàng hoá với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do tổ chức chứng nhận hợp quy cấp		Bản sao
3	Bản mô tả chung về sản phẩm, hàng hoá	01	Bản chính
4	Các tiêu chuẩn liên quan trực tiếp đến sản phẩm, hàng hoá (tiêu chuẩn TCVN, TCCS hoặc áp dụng tiêu chuẩn nước ngoài) hoặc quy định kỹ thuật khác	01	Bản chính
5	Bảng hướng dẫn sử dụng sản phẩm, hàng hoá	01	Bản chính

*** Trường hợp thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử thì thương nhân gửi bản scan từ bản gốc các giấy tờ quy định trên.*

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ PHÍ THẨM ĐỊNH

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Phí thẩm định
Bộ phận Một cửa - Sở Công Thương, địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
B2	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa	½ ngày làm việc	BM 01 BM 02 BM 03 Theo mục I	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. - Scan tài liệu, lưu trữ hồ sơ điện tử.
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường	½ ngày làm việc	BM 01 Theo mục I	Phân công công chức thụ lý, giải quyết hồ sơ
B4	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết	Công chức thụ lý hồ sơ phòng	1½ ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Tờ trình	- Công chức thụ lý hồ sơ tiến hành xem xét hồ sơ, lập Tờ trình, dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	quả giải quyết TTHC	Kỹ thuật an toàn – Môi trường		Dự thảo kết quả hoặc văn bản từ chối	chính (Bản công bố hợp quy hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do). - Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ và trình Lãnh đạo phòng chuyên môn xem xét.
B5	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường	½ ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Tờ trình Kết quả hoặc văn bản từ chối	- Lãnh đạo Phòng chuyên môn xem xét hồ sơ, duyệt dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Bản công bố hợp quy hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do). - Chuyển hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính về Bộ phận một cửa để kiểm soát chất lượng TTHC.
B6	Kiểm soát chất lượng văn bản, hồ sơ TTHC	Lãnh đạo Văn phòng	½ ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Tờ trình Kết quả hoặc văn bản từ chối	Kiểm tra và trình Lãnh đạo Sở, với các nội dung: - Kiểm soát chặt quy trình giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt và thực hiện đúng trên phân hệ phần mềm. - Rà soát kết quả giải quyết thủ tục hành chính trình Lãnh đạo Sở phê duyệt. - Kiểm soát các quy định về thể thức văn bản theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP
B7	Phê	Lãnh đạo	01 ngày	Hồ sơ trình	Phê duyệt kết quả giải quyết

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	duyệt kết quả TTHC	Sở	làm việc		thủ tục hành chính (Bản công bố hợp quy hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do)
B8	Ban hành văn bản	Văn thư	½ ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận Một cửa
B9	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân - Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

Stt	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Bản công bố hợp quy (Phụ lục 01 - Thông tư 48/2011/TT-BCT).

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

Stt	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ

4	BM 04	Bản công bố hợp quy (Phụ lục 01 - Thông tư 48/2011/TT-BCT).
5	//	Các thành phần hồ sơ khác (nếu có) theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

- Thông tư số 41/2015/TT-BCT ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.

Mẫu: Bản đăng ký công bố hợp quy

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY

Số

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

E-mail.....

Công bố:

Sản phẩm, hàng hoá, quá trình, dịch vụ, môi trường (*tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật, ...*)

Phù hợp với tiêu chuẩn /quy chuẩn kỹ thuật (*số hiệu, ký hiệu, tên gọi*)

Thông tin bổ sung (*căn cứ công bố hợp quy, phương thức đánh giá sự phù hợp...*):

....., ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

PHỤ LỤC**DANH MỤC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA CÓ KHẢ NĂNG GÂY MẤT AN TOÀN
THUỘC TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG***(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2015/TT-BCT ngày 24 tháng 11 năm 2015)*

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn/ Tiêu chuẩn	Mã số HS	Văn bản điều chỉnh
I	Hóa chất, phân bón và vật liệu nổ công nghiệp			
1	Tiền chất thuốc nổ (Các hỗn hợp chất có hàm lượng tiền chất thuốc nổ lớn hơn 45% phải được quản lý về an ninh, an toàn theo quy định tại khoản 1 Điều 16, Nghị định số 39/2009/NĐ-CP)			Nghị định số 39/2009/NĐ-CP(1)
1.1	Amoni nitrat (NH ₄ NO ₃) dạng tinh thể dùng để sản xuất thuốc nổ nhũ tương;	QCVN 05:2015/BCT;	2834.29.90	Thông tư số 17/2015/TT-BCT(3)
1.2	Amoni nitrat (NH ₄ NO ₃) dạng hạt xộp dùng để sản xuất thuốc nổ ANFO;	QCVN 03:2012/BCT;		Thông tư số 12/2012/TT-BCT(4)
2	Vật liệu nổ công nghiệp (bao gồm: thuốc nổ công nghiệp, mìn nổ, kíp nổ, dây nổ, hạt nổ, dây LIL các loại)			Nghị định số 39/2009/NĐ-CP
2.1	Các loại kíp nổ điện dùng trong công nghiệp;	QCVN 02:2015/BCT;	3603.00.10	Thông tư số 15/2015/TT-BCT(5)
2.2	Kíp nổ đốt số 8 dùng trong công nghiệp;	QCVN 03:2015/BCT;	3603.00.10	
2.3	Dây nổ chịu nước dùng trong công nghiệp;	QCVN 04:2015/BCT;	3603.00.90	Thông tư số 16/2015/TT-BCT(6)
2.4	Dây cháy chậm công nghiệp;	QCVN 06:2015/BCT;	3603.00.20	Thông tư số 18/2015/TT-BCT(7)
2.5	Mìn nổ dùng cho thuốc nổ công nghiệp;	QCVN 08:2015/BCT;	3603.00.90	Thông tư số 20/2015/TT-

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn/ Tiêu chuẩn	Mã số HS	Văn bản điều chỉnh
				BCT(8)
2.6	Thuốc nổ nhũ tương dùng cho mỏ hầm lò, công trình ngầm không có khí và bụi nổ;	QCVN 05:2012/BCT;	3602.00.00	Thông tư số 14/2012/TT-BCT(9)
2.7	Thuốc nổ amonit AD1;	QCVN 07:2015/BCT;		Thông tư số 19/2015/TT-BCT(10)
2.8	Thuốc nổ loại khác (Theo danh mục tại Mục I - Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BCT).	Các chỉ tiêu kỹ thuật nêu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BCT		Thông tư số 45/2013/TT-BCT(11)
3	Phân bón vô cơ			Nghị định số 202/2013/NĐ-CP(2)
3.1	Urê, có hoặc không ở dạng dung dịch nước;	TCVN 2619:2014; TCVN 2620:2014;	3102.10.00	Thông tư số 29/2014/TT-BCT(12)
3.2	Supe photphat đơn;	TCVN 4440:2004;	3103.90.10	
3.3	Phân khoáng hoặc phân hóa học có chứa ba nguyên tố là nitơ, phospho và kali (Phân hỗn hợp NPK);	TCVN 5815:2001;	3105.20.00	
3.4	Diamoni hydro orthophosphat (DAP - diamoni phosphat);	TCVN 8856:2012;	3105.30.00	
3.5	Phân lân canxi magiê (Phân lân nung chảy);	TCVN 1078:1999;	3105.10.10	
3.6	Phân bón vô cơ các loại khác thuộc Phụ lục 13 ban hành kèm theo Thông tư số 29/2014/TT-BCT.	Các chỉ tiêu kỹ thuật quy định tại Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư số 29/2014/TT-BCT.	3104.20.00 3104.30.00 3104.90.00 3105.10.00 3105.40.00 3105.51.00 3105.59.00	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn/ Tiêu chuẩn	Mã số HS	Văn bản điều chỉnh
			3105.60.00	
			3105.90.00	
II	Máy, thiết bị đặc thù công nghiệp			
1	<i>Nồi hơi nhà máy điện;</i>	TCVN 5346:1991;	8402.20.10 8402.20.20	Thông tư số 48/2011/TT-BCT(13)
2	<i>Nồi hơi có kết cấu không lắp trên các phương tiện giao thông vận tải, áp suất làm việc định mức của hơi trên 0,7 bar dùng trong công nghiệp;</i>	TCVN 7704:2007; TCVN 6413:1998; TCVN 6008:2010; TCVN 5346:1991;	8402.11.10 8402.11.20 8402.12.11 8402.12.19 8402.12.21 8402.12.29 8402.19.11 8402.19.19 8402.19.21 8402.19.29	Thông tư số 48/2011/TT-BCT
3	<i>Nồi đun nước nóng có nhiệt độ môi chất trên 115oC dùng trong công nghiệp;</i>	TCVN 7704:2007; TCVN 6008:2010; TCVN 5346:1991;	8403.10.00	Thông tư số 48/2011/TT-BCT
4	<i>Bình chịu áp lực có kết cấu không lắp trên các phương tiện giao thông vận tải, áp suất làm việc định mức cao hơn 0,7 bar (không kể áp suất thủy tĩnh) dùng trong công nghiệp;</i>	TCVN 8366:2010; TCVN 6155:1996; TCVN 6156:1996; TCVN 6008:2010;	7309.00.11 7309.00.19 7309.00.91 7309.00.99	Thông tư số 48/2011/TT-BCT
5	<i>Bồn chứa LPG có kết cấu không lắp trên các phương tiện giao thông vận tải;</i>	TCVN 8366:2010; TCVN 6155:1996; TCVN 6156:1996; TCVN 7441:2004; TCVN 8615-1:2010; TCVN 8615-2:2010;	7311.00.99	Thông tư số 41/2011/TT-BCT(14)

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn/ Tiêu chuẩn	Mã số HS	Văn bản điều chỉnh
6	<i>Trạm nạp LPG cho chai, xe bồn, xe ô tô;</i>	TCVN 6484:1999; TCVN 6485:1999; TCVN 7762:2007; TCVN 7763:2007; TCVN 7832:2007;	8479.89.30	Thông tư số 41/2011/TT- BCT
7	<i>Chai chứa LPG;</i>	QCVN 04:2013/BCT;	7311.00.93	Thông tư số 18/2013/TT- BCT(15)
			7311.00.94	
8	<i>Trạm cấp LPG;</i>	QCVN 10:2012/BCT;	8479.89.30	Thông tư số 49/2012/TT- BCT(16)
9	<i>Đường ống dẫn hơi và nước nóng cấp I, II có đường kính ngoài từ 51 mm trở lên; các đường ống dẫn cấp III, IV có đường kính ngoài từ 76 mm trở lên sử dụng trong công nghiệp;</i>	TCVN 6158:1996; TCVN 6159:1996; QCVN 04:2014/BCT;	7304.39.20	Thông tư số 48/2011/TT- BCT
10	<i>Hệ thống ống dẫn khí đốt cố định bằng kim loại dùng trong công nghiệp;</i>	TCVN 7441:2004; TCVN 6486:2008; TCVN 6008:2010; TCVN 4245:1996; TCVN 9385:2012; TCVN 9358:2012;	7304.19.00	Thông tư số 48/2011/TT- BCT
			7304.11.00	
			7305.19.90	
			7305.19.10	
			7305.12.90	
			7305.11.00	
			7306.11.10	
			7306.11.20	
			7306.19.20	
7306.19.90				
11	<i>Hệ thống điều chế, nạp khí, khí hóa lỏng, khí hòa tan dùng trong công nghiệp;</i>	TCVN 7441:2004;	8479.89.30	Thông tư số 48/2011/TT- BCT
12	<i>Cột chống thủy lực đơn, Giá khung di động và dàn chống tự hành cầu tạo từ các cột chống thủy lực</i>	QCVN 01:2011/BCT;	7308.40.10	Thông tư số 03/2011/TT- BCT(17)
			7308.40.90	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn/ Tiêu chuẩn	Mã số HS	Văn bản điều chỉnh
	<i>đơn sử dụng trong việc chống giữ lò trong khai thác hầm lò;</i>			
13	<i>Tời, trục tải có tải trọng từ 10.000 N trở lên và góc nâng từ 25o đến 90o dùng trong công nghiệp;</i>	TCVN 4244:2005; TCVN 5206:1990; TCVN 5207:1990; TCVN 5208:1990; TCVN 5209:1990;	8425.31.00	Thông tư số 48/2011/TT-BCT
14	<i>Cần trục, Cổng trục, Cầu trục dùng trong công nghiệp;</i>	TCVN 4244:2005;	8426.19.20	Thông tư số 48/2011/TT-BCT
			8426.19.30	
			8426.19.90	
15	<i>Xe nâng hàng có thiết kế, kết cấu không dùng để chạy trên đường giao thông, tải trọng từ 10.000 N trở lên dùng trong công nghiệp;</i>	TCVN 4244:2005;	8427.10.00	Thông tư số 48/2011/TT-BCT
			8427.20.00	
			8427.90.00	
16	<i>Máy nâng người với chiều cao nâng lớn hơn 2 m dùng trong công nghiệp (Ví dụ: thang máy nâng hạ theo chiều thẳng đứng, thang cuốn, băng tải, thùng cáp treo);</i>	TCVN 4244:2005;	8428.10.29	Thông tư số 48/2011/TT-BCT
			8428.10.90	
17	<i>Máy biến áp phòng nổ;</i>	TCVN 7079 - 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	9817.30.10	Thông tư số 48/2011/TT-BCT
			9817.30.90	
18	<i>Động cơ điện phòng nổ;</i>	TCVN 7079 - 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	8501.10.29	Thông tư số 48/2011/TT-BCT
			8501.10.49	
			8501.10.59	
			8501.10.99	
			8501.20.19	
			8501.20.29	
			8501.31.40	
			8501.32.12	
			8501.32.92	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn/ Tiêu chuẩn	Mã số HS	Văn bản điều chỉnh
			8501.33.00	
			8501.34.00	
			8501.40.19	
			8501.40.29	
			8501.51.19	
			8501.52.19	
			8501.52.29	
			8501.52.39	
			8501.53.00	
19	Thiết bị phân phối, đóng cắt phòng nổ (Khởi động từ, Khởi động mềm, Atomat, Máy cắt điện tự động, Biến tần, Rơ le dòng điện dò);	TCVN 7079 - 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	8504.40.90 8535.21.10 8535.21.90 8535.29.00 8535.30.20 8536.20.11 8536.20.12 8536.20.19 8536.30.90 8536.41.10 8536.41.20 8536.41.30 8536.41.40 8536.41.90 8536.49.10 8536.49.90	Thông tư số 48/2011/TT-BCT
20	Thiết bị điều khiển phòng nổ (Bảng điều khiển, Hộp nút nhấn);	TCVN 7079 - 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	8537.10.11 8537.10.19 8537.10.92 8537.10.99 8537.20.21	Thông tư số 48/2011/TT-BCT

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn/ Tiêu chuẩn	Mã số HS	Văn bản điều chỉnh
			8537.10.29	
			8536.50.99	
21	<i>Máy phát điện phòng nổ;</i>	TCVN 7079 - 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	8502.11.00	Thông tư số 48/2011/TT- BCT
			8502.12.10	
			8502.12.20	
			8502.13.10	
			8502.13.90	
			8502.20.10	
			8502.20.20	
			8502.20.30	
			8502.20.41	
			8502.20.49	
			8502.39.10	
			8502.39.20	
			8502.39.31	
			8502.39.39	
22	<i>Thiết bị thông tin phòng nổ</i> (Điện thoại, Máy đàm thoại, Còi điện, chuông điện);	TCVN 7079 - 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	8517.11.00	Thông tư số 48/2011/TT- BCT
			8517.12.00	
			8517.18.00	
			8517.61.00	
			8517.62.51	
			8531.10.20	
			8531.10.30	
			8531.10.90	
			8531.80.11	
			8531.80.19	
23	<i>Cáp điện phòng nổ;</i>	TCVN 7079 - 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	8544.20.11	Thông tư số 48/2011/TT- BCT
			8544.20.19	
			8544.20.21	
			8544.20.29	

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn/ Tiêu chuẩn	Mã số HS	Văn bản điều chỉnh
			8544.20.31	
			8544.20.39	
			8544.42.91	
			8544.42.92	
			8544.42.99	
			8544.49.22	
			8544.49.23	
			8544.49.29	
			8544.49.41	
			8544.49.49	
			8544.60.11	
			8544.60.19	
			8544.60.21	
			8544.60.29	
24	<i>Đèn chiếu sáng phòng nổ;</i>	TCVN 7079 - 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	9405.10.30 9405.10.40 9405.10.90 9405.40.20 9405.40.40 9405.40.60 9405.40.99 9405.60.90	Thông tư số 48/2011/TT- BCT
25	<i>Máy nổ mìn điện.</i>	QCVN 01:2015/BCT;	8543.70.90	Thông tư số 14/2015/TT- BCT(18)
III	Sản phẩm công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm và công nghiệp chế biến khác			
1	<i>Sản phẩm dệt may các loại</i> (Các sản phẩm thuộc Phụ	Các chỉ tiêu kỹ thuật về mức giới hạn quy định tại Phụ lục 2 và 3 ban	Theo Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số	Thông tư số 37/2015/TT-BCT(19)

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn/ Tiêu chuẩn	Mã số HS	Văn bản điều chỉnh
	lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 37/2015/TT- BCT)	hành kèm theo Thông tư số 37/2015/TT-BCT	37/2015/TT- BCT.	

Ghi chú: Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan trong bảng Phụ lục trên

(1): Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp;

(2): Nghị định số 202/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về quản lý phân bón;

(3): Thông tư số 17/2015/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Amôni nitrat dùng để sản xuất thuốc nổ nhũ tương;

(4): Thông tư số 12/2012/TT-BCT ngày 12 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Amôni nitrat dùng để sản xuất thuốc nổ ANFO;

(5): Thông tư số 15/2015/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các loại kíp nổ;

(6): Thông tư số 16/2015/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dây nổ chịu nước;

(7): Thông tư số 18/2015/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dây cháy chậm công nghiệp;

(8): Thông tư số 20/2015/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi nổ dùng trong thuốc nổ công nghiệp;

(9): Thông tư số 14/2012/TT-BCT ngày 12 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thuốc nổ nhũ tương dùng cho mỏ hầm lò, công trình ngầm không có khí và bụi nổ;

(10): Thông tư số 19/2015/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thuốc nổ Amonit ADI;

(11): Thông tư số 45/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về Quy định Danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam;

(12): Thông tư số 29/2014/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc Quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số điều về phân bón vô cơ, hướng dẫn việc cấp phép sản xuất phân bón vô cơ đồng thời sản xuất phân bón hữu cơ và phân bón khác tại Nghị định số 202/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về quản lý phân bón;

(13): Thông tư số 48/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc Quy định quản lý chất lượng các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

(14): Thông tư số 41/2011/TT-BCT ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc Quy định về quản lý an toàn trong lĩnh vực khí dầu mỏ hóa lỏng;

(15): Thông tư số 18/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) bằng thép;

(16): Thông tư số 49/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trạm cấp khí dầu mỏ hóa lỏng;

(17): Thông tư số 03/2011/TT-BCT ngày 15 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác than hầm lò;

(18): Thông tư số 14/2015/TT-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các loại kíp nổ;

(19): Thông tư số 37/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định về mức giới hạn và việc kiểm tra hàm lượng formaldehyt và amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may.

QUY TRÌNH**Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu
thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2069/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

Stt	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (theo mẫu);	01	Bản chính
2	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;	01	Bản sao
3	Giấy tờ chứng minh đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh;	01	Bản sao
4	Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ kinh doanh xăng dầu (kèm theo các tài liệu chứng minh);	01	Bản chính
5	Danh sách hệ thống phân phối xăng dầu của thương nhân (kèm theo các tài liệu chứng minh);	01	Bản chính
6	Văn bản xác nhận của thương nhân cung cấp xăng dầu cho tổng đại lý có thời hạn tối thiểu một (01) năm, trong đó ghi rõ chủng loại xăng dầu.	01	Bản gốc

**** Trường hợp thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử thì thương nhân gửi bản scan từ bản gốc các giấy tờ quy định trên.**

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ PHÍ THẨM ĐỊNH

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Phí thẩm định
Bộ phận Một cửa - Sở Công Thương, địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
B2	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa	½ ngày làm việc	BM 01 BM 02 BM 03 Theo mục I	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. - Scan tài liệu, lưu trữ hồ sơ điện tử.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý thương mại	½ ngày làm việc	BM 01 Theo mục I	Phân công công chức thụ lý, giải quyết hồ sơ
B4	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ	Công chức thụ lý hồ sơ phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Dự thảo kết quả hoặc văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ	Công chức thụ lý hồ sơ tiến hành kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: thực hiện tiếp quy trình B6 – B11. - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ: dự thảo văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ; trình Lãnh đạo phòng xem xét. Thực hiện tiếp quy trình B5.A (B5.A1 - B5.A2). Sau khi hoàn chỉnh hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (người dân bổ sung hồ sơ; lấy ý kiến các đơn vị liên quan); thực hiện tiếp quy trình B6 - B11.
B5.A	Ban hành văn bản thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ				
B5.A1	Duyệt ký văn bản	Lãnh đạo phòng Quản lý thương mại	½ ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ	Xem xét hồ sơ, ký duyệt văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.
B5.A2	Phát	Văn thư	½ ngày	Văn bản	Cho số, vào sổ, đóng dấu,

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	hành văn bản		làm việc	yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ	ban hành văn bản
<i>Khi tổ chức/cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo yêu cầu thì thực hiện lại quy trình từ bước Bước 2</i>					
B6	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Công chức thụ lý hồ sơ phòng Quản lý thương mại	12 ½ ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Tờ trình Dự thảo Kết quả hoặc văn bản từ chối	- Công chức thụ lý hồ sơ tiến hành xem xét hồ sơ, lập Tờ trình, dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do). - Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ và trình Lãnh đạo phòng chuyên môn xem xét.
B7	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo phòng Quản lý thương mại	02 ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Tờ trình Kết quả hoặc văn bản từ chối	- Lãnh đạo Phòng chuyên môn xem xét hồ sơ, duyệt dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính (hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do). - Chuyển hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính về Bộ phận một cửa để kiểm soát chất lượng TTHC.
B8	Kiểm soát chất lượng văn bản, hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng	01 ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Tờ trình Kết quả hoặc văn	Kiểm tra và trình Lãnh đạo Sở, với các nội dung: - Kiểm soát chặt quy trình giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt và thực hiện đúng trên phân hệ phần

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	TTHC			bản từ chối	mềm. - Rà soát kết quả giải quyết thủ tục hành chính trình Lãnh đạo Sở phê duyệt. - Kiểm soát các quy định về thể thức văn bản theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP;
B9	Phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở	02 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do)
B10	Ban hành văn bản	Văn thư	½ ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận Một cửa
B11	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân - Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

Stt	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ

3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (Mẫu số 7 - Nghị định 83/2014/NĐ-CP)
5	BM 05	Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (Mẫu số 8 – Nghị định 83/2014/NĐ-CP)

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

Stt	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (Mẫu số 7 - Nghị định 83/2014/NĐ-CP)
5	BM 05	Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (Mẫu số 8 - Nghị định 83/2014/NĐ-CP)
6	//	Các thành phần hồ sơ khác (nếu có) theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện.

- Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư số 11/2013/TT-BCT ngày 18/06/2013 của Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu.

- Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 39/2007/QĐ-UBND ngày 06/3/2007 của UBND TP về phê duyệt quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu.

- Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND ngày 09/05/2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa chữa, nâng cấp, xây dựng lại cửa hàng xăng dầu.

Mẫu số 7

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

....., ngày tháng năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP BỔ SUNG, SỬA ĐỔI/CẤP LẠI GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ
ĐIỀU KIỆN LÀM TỔNG ĐẠI LÝ KINH DOANH XĂNG DẦU**

Kính gửi: Sở Công Thương thành phố Hồ Chí Minh

Tên doanh nghiệp:

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại:..... số Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.... do... cấp ngày.... tháng... năm...

Mã số thuế:.....

Đề nghị Bộ Công Thương⁽¹⁾ / Sở Công Thương⁽²⁾ xem xét cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số .../2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP*(Ký tên và đóng dấu)**** Chú thích:**

- Thương nhân đề nghị xác nhận làm Tổng đại lý gửi về ⁽¹⁾ khi kinh doanh trên địa bàn 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên;

- Thương nhân đề nghị xác nhận làm Tổng đại lý gửi về ⁽²⁾ khi kinh doanh trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ CÔNG THƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm...

Số: /QĐ-...

**GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
LÀM TỔNG ĐẠI LÝ KINH DOANH XĂNG DẦU**

Cấp lần thứ nhất: ngày... tháng... năm...

Cấp bổ sung, sửa đổi lần thứ...: ngày... tháng... năm...

Cấp lại lần thứ...: ngày... tháng... năm...

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ⁽³⁾ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương⁽¹⁾ / Sở Công Thương⁽²⁾;

Căn cứ Nghị định số...../2014/NĐ-CP ngày tháng năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

Xét hồ sơ đề nghị cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu của.....⁽⁴⁾;

Theo đề nghị của⁽⁵⁾,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu

1. Tên doanh nghiệp:.....⁽⁴⁾

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại: số Fax:

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....do...cấp ngày... tháng... năm ...

Mã số thuế:.....

Đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:.....

2. Thương nhân cung cấp xăng dầu

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại: số Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....do...cấp ngày... tháng... năm ...

Mã số thuế:.....

Điều 2.⁽⁴⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu này có giá trị đến hết ngày tháng năm; ⁽⁶⁾ thay thế cho Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu số/QĐ-... ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Công Thương⁽¹⁾/Giám đốc Sở Công Thương⁽²⁾./.

Nơi nhận:

-⁽⁴⁾;
- Bộ Công Thương (b/c)⁽²⁾;
- Sở Công Thương...^{(1),(2)};
- ...;
- Lưu: VT,...⁽⁷⁾

GIÁM ĐỐC*(Ký tên và đóng dấu)**** Chú thích:**⁽¹⁾: Trường hợp Bộ Công Thương cấp Giấy xác nhận.⁽²⁾: Trường hợp Sở Công Thương cấp Giấy xác nhận.⁽³⁾: Số văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương/Sở Công Thương.⁽⁴⁾: Tên doanh nghiệp được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.⁽⁵⁾: Tên đơn vị trình hồ sơ.⁽⁶⁾: Sử dụng trong trường hợp cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.⁽⁷⁾: Tên các tổ chức, đơn vị có liên quan.

QUY TRÌNH**Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2069/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

Stt	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Đơn đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (theo mẫu)	01	Bản chính
2	Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu đã được cấp;	01	Bản gốc
3	Các tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi.	01	Bản sao

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ PHÍ THẨM ĐỊNH

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Phí thẩm định
Bộ phận Một cửa - Sở Công Thương, địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
B2	Kiểm tra và	Bộ phận một cửa	½ ngày làm	BM 01 BM 02	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	tiếp nhận hồ sơ		việc	BM 03 Theo mục I	<p>hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. - Scan tài liệu, lưu trữ hồ sơ điện tử.
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý thương mại	½ ngày làm việc	BM 01 Theo mục I	Phân công công chức thụ lý, giải quyết hồ sơ
B4	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ	Công chức thụ lý hồ sơ phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Dự thảo kết quả hoặc văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ	<p>Công chức thụ lý hồ sơ tiến hành kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: thực hiện tiếp quy trình B6 – B11. - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ: dự thảo văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ; trình Lãnh đạo phòng xem xét. Thực hiện tiếp quy trình B5.A (B5.A1 - B5.A2). <p>Sau khi hoàn chỉnh hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (người dân bổ sung hồ sơ; lấy ý kiến các đơn vị liên quan); thực</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					hiện tiếp quy trình B6 – B11.
B5.A	Ban hành văn bản thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ				
B5.A1	Duyệt ký văn bản	Lãnh đạo phòng Quản lý thương mại	½ ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ	Xem xét hồ sơ, ký duyệt văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.
B5.A2	Phát hành văn bản	Văn thư	½ ngày làm việc	Văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ	Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản
<i>Khi tổ chức/cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo yêu cầu thì thực hiện lại quy trình từ bước Bước 2</i>					
B6	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Công chức thụ lý hồ sơ phòng Quản lý thương mại	12 ½ ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Tờ trình Dự thảo kết quả hoặc văn bản từ chối	- Công chức thụ lý hồ sơ tiến hành xem xét hồ sơ, lập Tờ trình, dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do). - Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ và trình Lãnh đạo phòng chuyên môn xem xét.
B7	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo phòng Quản lý thương mại	02 ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Tờ trình Kết quả hoặc văn bản từ chối	- Lãnh đạo Phòng chuyên môn xem xét hồ sơ, duyệt dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do). - Chuyển hồ sơ giải quyết

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					thủ tục hành chính về Bộ phận một cửa để kiểm soát chất lượng TTHC.
B8	Kiểm soát chất lượng văn bản, hồ sơ TTHC	Lãnh đạo Văn phòng	01 ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Tờ trình Kết quả hoặc văn bản từ chối	Kiểm tra và trình Lãnh đạo Sở, với các nội dung: - Kiểm soát chặt quy trình giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt và thực hiện đúng trên phân hệ phần mềm. - Rà soát kết quả giải quyết thủ tục hành chính trình Lãnh đạo Sở phê duyệt. - Kiểm soát các quy định về thể thức văn bản theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP.
B9	Phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở	02 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do)
B10	Ban hành văn bản	Văn thư	½ ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận Một cửa
B11	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân - Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

Stt	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (Mẫu số 7 - Nghị định 83/2014/NĐ-CP)
5	BM 05	Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (Mẫu số 8 - Nghị định 83/2014/NĐ-CP)

V. HỒ SƠ CẢN LƯU

Stt	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (Mẫu số 7 - Nghị định 83/2014/NĐ-CP)
5	BM 05	Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (Mẫu số 8 - Nghị định 83/2014/NĐ-CP)
	//	Các thành phần hồ sơ khác (nếu có) theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện.

- Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư số 11/2013/TT-BCT ngày 18/06/2013 của Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu.

- Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 39/2007/QĐ-UBND ngày 06/3/2007 của UBND TP về phê duyệt quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu.

- Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND ngày 09/05/2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa chữa, nâng cấp, xây dựng lại cửa hàng xăng dầu.

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

....., ngày tháng năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP BỔ SUNG, SỬA ĐỔI/CẤP LẠI GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ
ĐIỀU KIỆN LÀM TỔNG ĐẠI LÝ KINH DOANH XĂNG DẦU**

Kính gửi: Sở Công Thương thành phố Hồ Chí Minh

Tên doanh nghiệp:

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại:..... số Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do... cấp ngày... tháng... năm...

Mã số thuế:.....

Đề nghị Bộ Công Thương⁽¹⁾ / Sở Công Thương⁽²⁾ xem xét cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số .../2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP*(Ký tên và đóng dấu)**** Chú thích:**

- Thương nhân đề nghị xác nhận làm Tổng đại lý gửi về ⁽¹⁾ khi kinh doanh trên địa bàn 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên;
- Thương nhân đề nghị xác nhận làm Tổng đại lý gửi về ⁽²⁾ khi kinh doanh trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ CÔNG THƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm...

Số: /QĐ-...

**GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
LÀM TỔNG ĐẠI LÝ KINH DOANH XĂNG DẦU**
Cấp lần thứ nhất: ngày... tháng... năm...
Cấp bổ sung, sửa đổi lần thứ...: ngày... tháng... năm...
Cấp lại lần thứ...: ngày... tháng... năm...

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ⁽³⁾ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương⁽¹⁾ / Sở Công Thương⁽²⁾;

Căn cứ Nghị định số...../2014/NĐ-CP ngày tháng năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

Xét hồ sơ đề nghị cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu của.....⁽⁴⁾;

Theo đề nghị của⁽⁵⁾,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu

1. Tên doanh nghiệp:.....⁽⁴⁾

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại: số Fax:

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....do...cấp ngày... tháng... năm ...

Mã số thuế:.....

Đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:.....

2. Thương nhân cung cấp xăng dầu

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại: số Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....do...cấp ngày... tháng... năm ...

Mã số thuế:.....

Điều 2.⁽⁴⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu này có giá trị đến hết ngày tháng năm; ⁽⁶⁾ thay thế cho Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu số/QĐ-... ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Công Thương⁽¹⁾/Giám đốc Sở Công Thương⁽²⁾./.

Nơi nhận:

-⁽⁴⁾;
- Bộ Công Thương (b/c)⁽²⁾;
- Sở Công Thương...^{(1),(2)};
- ...;
- Lưu: VT,...⁽⁷⁾

GIÁM ĐỐC

(Ký tên và đóng dấu)

*** Chú thích:**

(1): Trường hợp Bộ Công Thương cấp Giấy xác nhận.

(2): Trường hợp Sở Công Thương cấp Giấy xác nhận.

(3): Số văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương/Sở Công Thương.

(4): Tên doanh nghiệp được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.

(5): Tên đơn vị trình hồ sơ.

(6): Sử dụng trong trường hợp cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.

(7): Tên các tổ chức, đơn vị có liên quan.

QUY TRÌNH**Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2069/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

Stt	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Đơn đề nghị cấp bổ sung, sửa đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (theo mẫu)	01	Bản chính
2	Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (nếu có).	01	Bản gốc hoặc bản sao

** Trường hợp thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử thì thương nhân gửi bản scan từ bản gốc các giấy tờ quy định trên.

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ PHÍ THẨM ĐỊNH

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Phí thẩm định
Bộ phận Một cửa - Sở Công Thương, địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
B2	Kiểm tra và tiếp	Bộ phận một cửa	½ ngày làm	BM 01 BM 02	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	nhận hồ sơ		việc	BM 03 Theo mục I	<p>người nộp hồ sơ theo BM 01, chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. - Scan tài liệu, lưu trữ hồ sơ điện tử.
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý thương mại	½ ngày làm việc	BM 01 Theo mục I	Phân công công chức thụ lý, giải quyết hồ sơ
B4	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ	Công chức thụ lý hồ sơ phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Dự thảo kết quả văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ	<p>Công chức thụ lý hồ sơ tiến hành kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: thực hiện tiếp quy trình B6 - B11. - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ: dự thảo văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ; trình Lãnh đạo phòng xem xét. Thực hiện tiếp quy trình B5.A (B5.A1 - B5.A2). <p>Sau khi hoàn chỉnh hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (người dân bổ sung hồ sơ; lấy ý kiến các đơn vị liên quan); thực hiện tiếp quy trình B6 -</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					B11.
B5.A	Ban hành văn bản thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ				
B5.A1	Duyệt ký văn bản	Lãnh đạo phòng Quản lý thương mại	½ ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ	Xem xét hồ sơ, ký duyệt văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.
B5.A2	Phát hành văn bản	Văn thư	½ ngày làm việc	Văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ	Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản
<i>Khi tổ chức/cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo yêu cầu thì thực hiện lại quy trình từ bước Bước 2</i>					
B6	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Công chức thụ lý hồ sơ phòng Quản lý thương mại	12 $\frac{1}{2}$ ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Tờ trình Dự thảo Kết quả hoặc văn bản từ chối	- Công chức thụ lý hồ sơ tiến hành xem xét hồ sơ, lập Tờ trình, dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do). - Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ và trình Lãnh đạo phòng chuyên môn xem xét.
B7	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo phòng Quản lý thương mại	02 ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Tờ trình Kết quả hoặc văn bản từ chối	- Lãnh đạo Phòng chuyên môn xem xét hồ sơ, duyệt dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do). - Chuyển hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính về Bộ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					phận một cửa để kiểm soát chất lượng TTHC.
B8	Kiểm soát chất lượng văn bản, hồ sơ TTHC	Lãnh đạo Văn phòng	01 ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Tờ trình Kết quả hoặc văn bản từ chối	Kiểm tra và trình Lãnh đạo Sở, với các nội dung: - Kiểm soát chặt quy trình giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt và thực hiện đúng trên phân hệ phần mềm. - Rà soát kết quả giải quyết thủ tục hành chính trình Lãnh đạo Sở phê duyệt. - Kiểm soát các quy định về thể thức văn bản theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP.
B9	Phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở	02 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do)
B10	Ban hành văn bản	Văn thư	$\frac{1}{2}$ ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận Một cửa
B11	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân - Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

Stt	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (Mẫu số 7 - Nghị định 83/2014/NĐ-CP)
5	BM 05	Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (Mẫu số 8 – Nghị định 83/2014/NĐ-CP)

V. HỒ SƠ CẢN LƯU

Stt	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (Mẫu số 7 - Nghị định 83/2014/NĐ-CP)
5	BM 05	Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (Mẫu số 8 – Nghị định 83/2014/NĐ-CP)
	//	Các thành phần hồ sơ khác (nếu có) theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện.

- Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư số 11/2013/TT-BCT ngày 18/06/2013 của Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu.

- Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 39/2007/QĐ-UBND ngày 06/3/2007 của UBND TP về phê duyệt quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu.

- Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND ngày 09/05/2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa chữa, nâng cấp, xây dựng lại cửa hàng xăng dầu.

Mẫu số 7

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

....., ngày tháng năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP BỔ SUNG, SỬA ĐỔI/CẤP LẠI GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ
ĐIỀU KIỆN LÀM TỔNG ĐẠI LÝ KINH DOANH XĂNG DẦU**

Kính gửi: Sở Công Thương thành phố Hồ Chí Minh

Tên doanh nghiệp:

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại:..... số Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.... do... cấp ngày.... tháng... năm...

Mã số thuế:.....

Đề nghị Bộ Công Thương⁽¹⁾ / Sở Công Thương⁽²⁾ xem xét cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số .../2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP*(Ký tên và đóng dấu)**** Chú thích:**

- Thương nhân đề nghị xác nhận làm Tổng đại lý gửi về ⁽¹⁾ khi kinh doanh trên địa bàn 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên;

- Thương nhân đề nghị xác nhận làm Tổng đại lý gửi về ⁽²⁾ khi kinh doanh trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ CÔNG THƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm...

Số: /QĐ-...

**GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
LÀM TỔNG ĐẠI LÝ KINH DOANH XĂNG DẦU**

Cấp lần thứ nhất: ngày... tháng... năm...

Cấp bổ sung, sửa đổi lần thứ...: ngày... tháng... năm...

Cấp lại lần thứ...: ngày... tháng... năm...

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ⁽³⁾ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương⁽¹⁾ / Sở Công Thương⁽²⁾;

Căn cứ Nghị định số...../2014/NĐ-CP ngày tháng năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

Xét hồ sơ đề nghị cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu của.....⁽⁴⁾;

Theo đề nghị của⁽⁵⁾,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu

1. Tên doanh nghiệp:.....⁽⁴⁾

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại: số Fax:

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....do...cấp ngày... tháng... năm ...

Mã số thuế:.....

Đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:.....

2. Thương nhân cung cấp xăng dầu

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại: số Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....do...cấp ngày... tháng... năm ...

Mã số thuế:.....

Điều 2.⁽⁴⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số .../2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu này có giá trị đến hết ngày tháng năm; ⁽⁶⁾ thay thế cho Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu số/QĐ-... ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Công Thương⁽¹⁾/Giám đốc Sở Công Thương⁽²⁾./.

Nơi nhận:

-⁽⁴⁾;
- Bộ Công Thương (b/c)⁽²⁾;
- Sở Công Thương...^{(1),(2)};
- ...;
- Lưu: VT,...⁽⁷⁾

GIÁM ĐỐC*(Ký tên và đóng dấu)**** Chú thích:**⁽¹⁾: Trường hợp Bộ Công Thương cấp Giấy xác nhận.⁽²⁾: Trường hợp Sở Công Thương cấp Giấy xác nhận.⁽³⁾: Số văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương/Sở Công Thương.⁽⁴⁾: Tên doanh nghiệp được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.⁽⁵⁾: Tên đơn vị trình hồ sơ.⁽⁶⁾: Sử dụng trong trường hợp cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.⁽⁷⁾: Tên các tổ chức, đơn vị có liên quan.

QUY TRÌNH**Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2069/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

Stt	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (theo mẫu)	01	Bản chính
2	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	01	Bản sao
3	Giấy tờ chứng minh đào tạo nghiệp vụ của cán bộ quản lý, nhân viên trực tiếp kinh doanh	01	Bản sao
4	Bản kê cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ kinh doanh xăng dầu (kèm theo các tài liệu chứng minh);	01	Bản chính
5	Văn bản xác nhận của thương nhân cung cấp xăng dầu cho đại lý có thời hạn tối thiểu một (01) năm, trong đó ghi rõ chủng loại xăng dầu	01	Bản gốc

**** Trường hợp thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử thì thương nhân gửi bản scan từ bản gốc các giấy tờ quy định trên.**

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ PHÍ THẨM ĐỊNH

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Phí thẩm định
Bộ phận Một cửa - Sở Công Thương, địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
B2	Kiểm tra và tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận một cửa	$\frac{1}{2}$ ngày làm việc	BM 01 BM 02 BM 03 Theo mục I	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. - Scan tài liệu, lưu trữ hồ sơ điện tử.
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý thương mại	$\frac{1}{2}$ ngày làm việc	BM 01 Theo mục I	Phân công công chức thụ lý, giải quyết hồ sơ
B4	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ	Công chức thụ lý hồ sơ phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Dự thảo kết quả văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ	<p>Công chức thụ lý hồ sơ tiến hành kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: thực hiện tiếp quy trình B6 – B11. - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ: dự thảo văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ; trình Lãnh đạo phòng xem

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					xét. Thực hiện tiếp quy trình B5.A (B5.A1 - B5.A2). Sau khi hoàn chỉnh hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (người dân bổ sung hồ sơ; lấy ý kiến các đơn vị liên quan); thực hiện tiếp quy trình B6 - B11.
B5.A	Ban hành văn bản thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ				
B5.A1	Duyệt ký văn bản	Lãnh đạo phòng Quản lý thương mại	$\frac{1}{2}$ ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ	Xem xét hồ sơ, ký duyệt văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.
B5.A2	Phát hành văn bản	Văn thư	$\frac{1}{2}$ ngày làm việc	Văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ	Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản
<i>Khi tổ chức/cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo yêu cầu thì thực hiện lại quy trình từ bước Bước 2</i>					
B6	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Công chức thụ lý hồ sơ phòng Quản lý thương mại	$12 \frac{1}{2}$ ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Tờ trình Dự thảo kết quả hoặc văn bản từ chối	- Công chức thụ lý hồ sơ tiến hành xem xét hồ sơ, lập Tờ trình, dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do). - Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ và trình Lãnh đạo phòng chuyên môn xem xét.
B7	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo phòng Quản lý thương mại	02 ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Tờ trình Kết quả	- Lãnh đạo Phòng chuyên môn xem xét hồ sơ, duyệt dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Giấy xác nhận đủ điều kiện làm

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
				hoặc văn bản từ chối	đại lý bán lẻ xăng dầu hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do). - Chuyên hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính về Bộ phận một cửa để kiểm soát chất lượng TTHC.
B8	Kiểm soát chất lượng văn bản, hồ sơ TTHC	Lãnh đạo Văn phòng	01 ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Tờ trình Kết quả hoặc văn bản từ chối	Kiểm tra và trình Lãnh đạo Sở, với các nội dung: - Kiểm soát chặt quy trình giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt và thực hiện đúng trên phần mềm. - Rà soát kết quả giải quyết thủ tục hành chính trình Lãnh đạo Sở phê duyệt. - Kiểm soát các quy định về thể thức văn bản theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP.
B9	Phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở	02 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do)
B10	Ban hành văn bản	Văn thư	$\frac{1}{2}$ ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận Một cửa
B11	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân - Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

Stt	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (Mẫu số 9 - Nghị định 83/2014/NĐ-CP)
5	BM 05	Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (Mẫu số 10 - Nghị định 83/2014/NĐ-CP)

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

Stt	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (Mẫu số 9 - Nghị định 83/2014/NĐ-CP)
5	BM 05	Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (Mẫu số 10 - Nghị định 83/2014/NĐ-CP)
	//	Các thành phần hồ sơ khác (nếu có) theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện.

- Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư số 11/2013/TT-BCT ngày 18/06/2013 của Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu.

- Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa.

- Quyết định số 39/2007/QĐ-UBND ngày 06/3/2007 của UBND TP về phê duyệt quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu.

- Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND ngày 09/05/2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa chữa, nâng cấp, xây dựng lại cửa hàng xăng dầu.

Mẫu số 9

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

....., ngày tháng năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP BỔ SUNG, SỬA ĐỔI/CẤP LẠI
GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM ĐẠI LÝ BÁN LẺ XĂNG DẦU**

Kính gửi: Sở Công Thương thành phố Hồ Chí Minh

Tên doanh nghiệp:

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại:..... số Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.... do... cấp ngày.... tháng... năm...

Mã số thuế:.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số .../2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP*(Ký tên và đóng dấu)**** Chú thích:**

- Thương nhân gửi Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu về Sở Công Thương nơi thương nhân đóng trụ sở chính khi kinh doanh trên địa bàn 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm...

Số: /QĐ-...

GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM ĐẠI LÝ BÁN LẺ XĂNG DẦU

Cấp lần thứ nhất: ngày... tháng... năm...

Cấp bổ sung, sửa đổi lần thứ...: ngày... tháng... năm...

Cấp lại lần thứ...: ngày... tháng... năm...

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ⁽²⁾ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương...⁽¹⁾;

Căn cứ Nghị định số.../2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

Xét hồ sơ đề nghị cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu của.....⁽³⁾;

Theo đề nghị của⁽⁴⁾,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu

1. Tên doanh nghiệp:.....⁽³⁾

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại: số Fax:

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....do...cấp ngày... tháng... năm ...

Mã số thuế:.....

Đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:.....⁽⁵⁾

2. Thương nhân cung cấp xăng dầu

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại: số Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....do...cấp ngày... tháng... năm ...

Mã số thuế:.....

Điều 2.⁽³⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu này có giá trị đến hết ngày tháng năm; ⁽⁶⁾ thay thế cho Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu số/QĐ-... ngày ... tháng ... năm ... của Giám đốc Sở Công Thương./.

Nơi nhận:

-⁽⁴⁾;
- Bộ Công Thương (b/c);
- Sở Công Thương...;
- ...;
- Lưu: VT,...⁽⁷⁾

GIÁM ĐỐC*(Ký tên và đóng dấu)**** Chú thích:**

(1): Tỉnh, thành phố nơi thương nhân đóng trụ sở chính.

(2): Số văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương.

(3): Tên doanh nghiệp được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.

(4): Tên đơn vị trình hồ sơ.

(5): Sử dụng trong trường hợp đại lý hoạt động trên địa bàn từ 2 tỉnh, thành phố trở lên.

(6): Sử dụng trong trường hợp cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.

(7): Tên các tổ chức, đơn vị có liên quan.

QUY TRÌNH

Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2069/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2022

của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

Stt	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (theo mẫu)	01	Bản chính
2	Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu đã được cấp	01	Bản gốc
3	Các tài liệu chứng minh yêu cầu bổ sung, sửa đổi.	01	Bản sao

*** Trường hợp thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử thì thương nhân gửi bản scan từ bản gốc các giấy tờ quy định trên.*

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ PHÍ THẨM ĐỊNH

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Phí thẩm định
Bộ phận Một cửa - Sở Công Thương, địa chỉ: 163 Hai Bà Trưng, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
B2	Kiểm	Bộ phận	$\frac{1}{2}$ ngày	BM 01	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ:

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	tra và tiếp nhận hồ sơ	một cửa	làm việc	BM 02 BM 03 Theo mục I	<p>Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. - Scan tài liệu, lưu trữ hồ sơ điện tử.
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý thương mại	$\frac{1}{2}$ ngày làm việc	BM 01 Theo mục I	Phân công công chức thụ lý, giải quyết hồ sơ
B4	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ	Công chức thụ lý hồ sơ phòng Quản lý thương mại	01 ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Dự thảo kết quả hoặc văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ	<p>Công chức thụ lý hồ sơ tiến hành kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: thực hiện tiếp quy trình B6 - B11. - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ: dự thảo văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ; trình Lãnh đạo phòng xem xét. Thực hiện tiếp quy trình B5.A (B5.A1 - B5.A2). <p>Sau khi hoàn chỉnh hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (người dân bổ sung hồ sơ; lấy ý kiến</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					các đơn vị liên quan); thực hiện tiếp quy trình B6 – B11.
B5.A	Ban hành văn bản thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ				
B5.A1	Duyệt ký văn bản	Lãnh đạo phòng Quản lý thương mại	$\frac{1}{2}$ ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ	Xem xét hồ sơ, ký duyệt văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.
B5.A2	Phát hành văn bản	Văn thư	$\frac{1}{2}$ ngày làm việc	Văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ	Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản
<i>Khi tổ chức/cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo yêu cầu thì thực hiện lại quy trình từ bước Bước 2</i>					
B6	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Công chức thụ lý hồ sơ phòng Quản lý thương mại	12 $\frac{1}{2}$ ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Tờ trình Dự thảo kết quả hoặc văn bản từ chối	<ul style="list-style-type: none"> - Công chức thụ lý hồ sơ tiến hành xem xét hồ sơ, lập Tờ trình, dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do). - Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ và trình Lãnh đạo phòng chuyên môn xem xét.
B7	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo phòng Quản lý thương mại	02 ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Tờ trình Kết quả hoặc văn bản từ chối	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo Phòng chuyên môn xem xét hồ sơ, duyệt dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do). - Chuyển hồ sơ giải quyết

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					thủ tục hành chính về Bộ phận một cửa để kiểm soát chất lượng TTHC.
B8	Kiểm soát chất lượng văn bản, hồ sơ TTHC	Lãnh đạo Văn phòng	01 ngày làm việc	BM 01 Theo mục I Tờ trình Kết quả hoặc văn bản từ chối	Kiểm tra và trình Lãnh đạo Sở, với các nội dung: - Kiểm soát chặt quy trình giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt và thực hiện đúng trên phân hệ phần mềm. - Rà soát kết quả giải quyết thủ tục hành chính trình Lãnh đạo Sở phê duyệt. - Kiểm soát các quy định về thể thức văn bản theo quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP.
B9	Phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở	02 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do)
B10	Ban hành văn bản	Văn thư	$\frac{1}{2}$ ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản và chuyển hồ sơ cho Bộ phận Một cửa
B11	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân - Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

Stt	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (Mẫu số 9 – Nghị định 83/2014/NĐ-CP)
5	BM 05	Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (Mẫu số 10 – Nghị định 83/2014/NĐ-CP)

V. HỒ SƠ CẢN LƯU

Stt	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (Mẫu số 9 - Nghị định 83/2014/NĐ-CP)
5	BM 05	Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu (Mẫu số 10 – Nghị định 83/2014/NĐ-CP)
	//	Các thành phần hồ sơ khác (nếu có) theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Nghị định số 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện.

- Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24/10/2014 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

- Thông tư số 11/2013/TT-BCT ngày 18/06/2013 của Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu.

- Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập sở giao dịch hàng hóa;

- Quyết định số 39/2007/QĐ-UBND ngày 06/3/2007 của UBND TP về phê duyệt quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu;

- Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND ngày 09/05/2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa chữa, nâng cấp, xây dựng lại cửa hàng xăng dầu.

Mẫu số 9

TÊN DOANH NGHIỆP**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

....., ngày tháng năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP BỔ SUNG, SỬA ĐỔI/CẤP LẠI
GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM ĐẠI LÝ BÁN LẺ XĂNG DẦU**

Kính gửi: Sở Công Thương thành phố Hồ Chí Minh

Tên doanh nghiệp:

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại:..... số Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số.... do... cấp ngày.... tháng... năm...

Mã số thuế:.....

Đề nghị Sở Công Thương xem xét cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu cho doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số .../2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, các văn bản pháp luật khác có liên quan và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP*(Ký tên và đóng dấu)**** Chú thích:**

- Thương nhân gửi Đơn đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu về Sở Công Thương nơi thương nhân đóng trụ sở chính khi kinh doanh trên địa bàn 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm...

Số: /QĐ-...

GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN LÀM ĐẠI LÝ BÁN LẺ XĂNG DẦU

Cấp lần thứ nhất: ngày... tháng... năm...

Cấp bổ sung, sửa đổi lần thứ...: ngày... tháng... năm...

Cấp lại lần thứ...: ngày... tháng... năm...

GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ⁽²⁾ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương...⁽¹⁾;

Căn cứ Nghị định số.../2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu;

Xét hồ sơ đề nghị cấp/cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu của.....⁽³⁾;

Theo đề nghị của⁽⁴⁾,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu

1. Tên doanh nghiệp:.....⁽³⁾

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Số điện thoại: số Fax:

Tên giao dịch đối ngoại:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....do...cấp ngày... tháng... năm ...

Mã số thuế:.....

Đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.

Địa bàn hoạt động trên các tỉnh, thành phố:.....⁽⁵⁾

2. Thương nhân cung cấp xăng dầu

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Số điện thoại: số Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....do...cấp ngày... tháng... năm ...

Mã số thuế:.....

Điều 2.⁽³⁾ phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số/2014/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu này có giá trị đến hết ngày tháng năm; ⁽⁶⁾ thay thế cho Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu số/QĐ-... ngày ... tháng ... năm ... của Giám đốc Sở Công Thương./.

Nơi nhận:

-⁽⁴⁾;
- Bộ Công Thương (b/c);
- Sở Công Thương...;
- ...;
- Lưu: VT,...⁽⁷⁾

GIÁM ĐỐC*(Ký tên và đóng dấu)**** Chú thích:**

⁽¹⁾: Tỉnh, thành phố nơi thương nhân đóng trụ sở chính.

⁽²⁾: Số văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương.

⁽³⁾: Tên doanh nghiệp được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.

⁽⁴⁾: Tên đơn vị trình hồ sơ.

⁽⁵⁾: Sử dụng trong trường hợp đại lý hoạt động trên địa bàn từ 2 tỉnh, thành phố trở lên.

⁽⁶⁾: Sử dụng trong trường hợp cấp bổ sung, sửa đổi/cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.

⁽⁷⁾: Tên các tổ chức, đơn vị có liên quan.

(Xem tiếp Công báo số 122 + 123)